

Số: 241 /2024/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 16 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 229/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông **Võ Đình D**, sinh năm 1978; Căn cước công dân số 049078001694, ngày cấp 19/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và bà **Nguyễn Thị Thanh N**, sinh năm 1989; Căn cước công dân số 048189005369, ngày cấp 09/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; cùng địa chỉ: **Số A T, tổ C, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Võ Đình D** và bà **Nguyễn Thị Thanh N** kết hôn với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng** (Giấy chứng nhận kết hôn số 228, ngày 01 tháng 12 năm 2022). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng cùng sinh sống tại **số A T, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng**. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng từ năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, hay cãi vã, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng và cả hai đã sống riêng biệt độc lập không ai còn quan tâm đến ai. Nay ông **D** và bà **N** xác định không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa ông **D** và bà **N** đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Võ Đình D** và bà **Nguyễn Thị Thanh N** là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Ông **D** và bà **N** xác định có 01 con chung tên **Võ Nguyễn Trâm A**, sinh ngày 09/12/2022. Thuận tình ly hôn ông **D** và bà **N** thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: Bà **Nguyễn Thị Thanh N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên **Võ Nguyễn Trâm A**, sinh ngày 09/12/2022 và ông **Võ Đình D** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, kể từ tháng 11 năm 2024.

Ông **D** và bà **N** tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của ông bà.

[3] *Về tài sản chung* Ông **D** và bà **N** xác định không có.

[4] *Về nợ chung*: Ông **D** và bà **N** xác định không có.

[5] *Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông **Võ Đình D** và bà **Nguyễn Thị Thanh N** mỗi người phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Võ Đình D** và bà **Nguyễn Thị Thanh N**. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 228, do Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp cho ông D và bà N ngày 01 tháng 12 năm 2022 không còn giá trị pháp lý*).

- *Về con chung*: Bà **Nguyễn Thị Thanh N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên **Võ Nguyễn Trâm A**, sinh ngày 09/12/2022 và ông **Võ Đình D** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, kể từ tháng 11 năm 2024.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm ông **Võ Đình D** và bà **Nguyễn Thị Thanh N** mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông **Võ Đình D** và bà **Nguyễn Thị Thanh N** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0002879 ngày 02/10/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường Thọ Quang;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Vũ